

Kiến thức cần nhớ - Tuần 05

Môn: Tiếng Việt

1. Tập đọc

- **Những hạt thóc giống:** Ca ngợi chú bé Chôm trung thực, dũng cảm dám nói lên sự thật.

- **Gà Trống và Cáo:** Khuyên người ta hãy cảnh giác và thông minh như Gà Trống, chớ tin những lời mê hoặc ngọt ngào của những kẻ xấu xa như Cáo.

2. Luyện từ và câu

2.1. MRVT: Trung thực - Tự trọng.

I. Mở rộng vốn từ Trung thực

1. Mở rộng vốn từ Trung thực

Từ cùng nghĩa	Từ trái nghĩa	Thành ngữ, tục ngữ
Thẳng thắn, ngay thẳng, chân thật, thành thật, thật lòng, bộc trực	đối trá, gian dối, gian ngoan, gian xảo, lừa bịp, lừa lọc, bịp bợm	- Thẳng như ruột ngựa - Giấy rách phải giữ lấy lề

2. Một số từ có chứa tiếng *trung*

- Trung có nghĩa là “ở giữa”: trung tâm, trung bình, trung thu, trung tâm,...

- Trung có nghĩa là “một lòng một dạ”: trung thành, trung thực, trung nghĩa, trung hậu, trung kiên,...

II. Mở rộng vốn từ Tự trọng

1. Tự trọng có nghĩa là coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình

2. Một số từ có chứa tiếng *tự*

- Chỉ phẩm chất tốt đẹp của con người: tự trọng, tự tin, tự lập, tự chủ, tự lực

- Chỉ tính xấu của con người: tự kiêu, tự phụ, tự mãn, tự cao,...

3. Một số thành ngữ nói về tính tự trọng

- Giấy rách phải giữ lấy lề

- Cây ngay không sợ chết đứng

- Đói cho sạch, rách cho thơm

2.2. Danh từ.

❖ Khái niệm:

Danh từ (DT) là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm, đơn vị)

VD :

- Danh từ chỉ người : học sinh, công nhân, bác sĩ, bộ đội...

- Danh từ chỉ vật : bàn, ghế, bảng, gà, mèo, xoài, nhãn, bưởi, sông, núi, ...

- Danh từ chỉ hiện tượng : sóng thần, mưa phùn, bão lụt, gió mùa,...

- Danh từ chỉ khái niệm : đường lối, quan điểm, tâm hồn, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, tình yêu, lí thuyết, chính trị, truyền thống, hoà bình, niềm vui, nỗi buồn, nỗi nhớ, sự sống, cuộc đấu tranh, cuộc liên hoan, cái đẹp, cái xấu, niềm hi vọng, niềm tự hào, nỗi khổ, nỗi đau, cái xấu, cái tốt, sự nghi ngờ, sự hi sinh, cuộc chiến đấu,

cuộc vui, cơn thịnh nộ, cơn giận dữ, tiếng, xua, lí thuyết, buổi, thuở, hồi, dạo, khi, (bên) phải, trái, ban, lúc,...

- Danh từ chỉ đơn vị: cái, con, tấm, bức, bụi, khóm, chùm, bông, ngọn, giờ, phút, mẫu, miếng, mảnh, bó, xã, huyện...

❖ **Lưu ý:**

✓ **Danh từ chỉ khái niệm :**

- Những từ chỉ hoạt động, tính chất khi kết hợp được với : **nỗi, niềm, sự, cuộc, v.v...** sẽ tạo ra một danh từ chỉ khái niệm, ví dụ : **niềm vui, nỗi buồn, nỗi khổ, sự sống, cuộc đấu tranh, v.v...**

- Phân biệt danh từ chỉ khái niệm và danh từ cụ thể (chỉ vật):

Ví dụ: *lòng thuyền* (trường hợp này **lòng** là danh từ cụ thể)

lòng mẹ thương con (trong trường hợp này **lòng** là danh từ chỉ khái niệm)

- Danh từ chỉ khái niệm biểu thị những cái chỉ có trong nhận thức của con người, không có hình thù, không chạm vào hay ngửi, nếm, nhìn, ... được.

✓ **Danh từ chỉ đơn vị :**

- Danh từ chỉ đơn vị nêu tên đơn vị dùng để tính, đếm, đo lường sự vật. Danh từ chỉ đơn vị thường đứng trước các danh từ chỉ vật. VD : tấm ảnh, bức tranh, con đường, quyển vở...

- Phân loại danh từ chỉ đơn vị :

+ Đơn vị đo lường : cân, mét, lít, tạ, tấn, ki-lô-mét, thúng, mùng,...

+ Đơn vị tập thể : tụi, bọn, cặp,...

+ Đơn vị thời gian : giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm, thế kỉ,...

+ Đơn vị hành chính, nghề nghiệp : xã, xóm, huyện, tổ, lớp...

+ Đơn vị sự việc : cái, con, cơn, dòng, cây, người, tấm, bức, tờ, sợi, hạt, giọt, bụi, khóm, chùm, bông, ngọn, rặng, ngôi, lần lượt, phen, cú, cuộc, nắm, túm, vốc, , mẫu miếng, mảnh, đàn, bó, mớ, ..

✓ **Khả năng kết hợp của danh từ :**

VD : + những công nhân ấy

+ mấy quyển sách này

+ một làng nọ

+ ba cây phượng kia

Danh từ thường kết hợp được với các từ chỉ số lượng ở đằng trước nó như : **một, những, mấy, các, v.v...** và kết hợp với những từ : **ấy, kia, đó, nọ, này v.v...** (từ chỉ trỏ) ở đằng sau.

Muốn biết một từ có phải là danh từ hay không bằng cách thử khả năng kết hợp của nó với các từ chỉ số lượng (**những, một, các, v.v...**) và những từ chỉ trỏ (**ấy, kia, đó, nọ, v.v...**)

❖ **Danh từ chung và danh từ riêng**

- Danh từ chung là tên của một loại sự vật. VD: kĩ sư, bác sĩ, cây bút...

- Danh từ riêng là tên riêng của một sự vật. Danh từ riêng luôn luôn được viết hoa.

VD : Hồ Chí Minh, Trần Hưng Đạo, Hà Nội...

Chức năng: - Danh từ thường là chủ ngữ trong câu, nếu danh từ là vị ngữ thì trước nó thường là từ "là"

3. Tập làm văn

3.1. Viết thư

Một bức thư thông thường gồm những nội dung sau:

1. Phần đầu thư:

- Địa điểm và thời gian viết thư
- Lời thưa gửi

2. Phần chính

- Nêu mục đích, lí do viết thư
- Thăm hỏi tình hình của người nhận thư
- Thông báo tình hình của người viết thư
- Nêu ý kiến trao đổi hoặc bày tỏ tình cảm với người nhận thư

3. Phần cuối thư

- Lời chúc, lời cảm ơn, hứa hẹn
- Chữ kí và tên hoặc họ tên

*** Chú ý**

Khi viết thư phải xác định được các nội dung sau:

- Đề bài yêu cầu viết thư cho ai?
- Đề bài xác định mục đích viết thư để làm gì?
- Viết thư cho người thân lớn tuổi thì cần xưng hô như thế nào?
- Cần thăm hỏi người lớn những gì?
- Cần kể cho người thân nghe những gì về tình hình của bản thân, gia đình hiện nay?
- Nên chúc người thân của mình, hứa hẹn những điều gì?

3.2. Đoạn văn trong bài văn kể chuyện:

- Một câu chuyện có thể gồm nhiều sự việc. Mỗi sự việc được kể thành một đoạn văn.
- Khi viết hết một đoạn văn cần chấm xuống dòng.

PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT CUỐI TUẦN 5

Đọc thầm và làm bài tập:

HAI CHIẾC HUY CHƯƠNG

Tại đại hội Ô-lim-píc dành cho người khuyết tật, một học sinh tên Giôn, 14 tuổi, mắc hội chứng Đào^(*) nên mắt nhìn không rõ. Giôn đăng kí chạy môn 400 mét. Vào ngày thi, sau khi đăng kí để nhận đường chạy và số hiệu, thì cặp kính của Giôn biến mất, nhưng cậu ta nói rất quyết tâm:

- Em sẽ gắng hết sức để giành huy chương vàng.

Khi có tín hiệu xuất phát, Giôn đã khởi đầu rất tốt. Đột nhiên một vận động viên khác chạy lấn vào đường đua của Giôn khiến em không nhìn thấy đường chạy và ngã vào khu vực đá dăm bên cạnh đường đua.

Thế nhưng Giôn đã gượng đứng dậy, neho mắt nhìn đường đua và tiếp tục chạy dù chân trái khập khiễng vì đau. Cậu tiếp tục chạy qua khúc cua một cách bền bỉ. Khi gần bắt kịp vận động viên cuối cùng, Giôn lại bị trượt chân và ngã. Cậu nằm khá lâu. Nhưng Giôn lại gượng đứng dậy. Lúc này, sức chạy của Giôn đã giảm đi rất nhiều, chân tay cậu bắt đầu run lẩy bẩy, người lả đi vì kiệt sức. Khi chỉ còn cách đích khoảng 10 mét, cậu lại bị ngã một lần nữa. Bỗng nhiên, mẹ của Giôn đến đứng gần vạch đích:

- Giôn! Mẹ ở đây, con có nghe thấy tiếng mẹ không?

Mặc cho khuỷu tay, đầu gối đang bị trầy xước và rớm máu, Giôn vẫn khập khiễng tiến về phía vạch đích, hướng theo tiếng gọi của người mẹ:

- Phía này, con yêu ơi! - Mẹ cậu gọi.

Gương mặt của cậu trông rạng rỡ và vui sướng hẳn lên khi băng qua vạch đích và ngã vào vòng tay âu yếm của mẹ.

Giôn đã không chiến thắng trên đường đua nhưng niềm tin chiến thắng đã cháy bỏng, tỏa sáng trong cậu. Giôn thật xứng đáng nhận cùng một lúc hai huy chương về bản lĩnh và niềm tin; một huy chương khác cho sự quyết tâm tuyệt vời - không bao giờ bỏ cuộc.

Thanh Tâm

(*) Hội chứng Đào (Down): hội chứng làm ảnh hưởng đến trí tuệ, vận động, ngôn ngữ,... của con người.

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1. Cậu bé Giôn trong câu chuyện tham gia thi đấu môn thể thao nào?

- A. Chạy việt dã.
- B. Chạy 400 mét.
- C. Chạy 1000 mét.
- D. Chạy 1500 mét.

Câu 2. Cậu đã gặp phải rủi ro gì khi chuẩn bị thi đấu?

- A. Cậu bị mất kính.
- B. Cậu bị kém mắt.
- C. Cậu bị đến muộn.
- D. Cậu bị đau chân

Câu 3. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

- A. Cần cẩn thận, chuẩn bị kĩ lưỡng trước khi thi đấu.
- B. Cần quyết tâm thi đấu đến cùng.
- C. Cần có bản lĩnh, niềm tin và quyết tâm thực hiện mọi việc mình đã đề ra.
- D. Cần có mẹ bên cạnh khi thi đấu.

Câu 4. Danh từ trong câu “Đồng lúa rộng mênh mông, bát ngát.” là:

- A. bát ngát
- B. rộng
- C. mênh mông
- D. đồng lúa

Câu 5. Trong câu “Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng, cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh.” có mấy danh từ ?

- A. 3 danh từ. Đó là: cánh, giấy bóng, đầu.
- B. 4 danh từ. Đó là: cánh, giấy bóng, đầu, mắt.
- C. 5 danh từ. Đó là: cánh, giấy bóng, đầu, mắt, thủy tinh.
- D. 2 danh từ. Đó là: giấy bóng, thủy tinh.

Câu 6. Dòng nào dưới đây toàn là từ láy:

- A. khắp khiêng, lầy bầy, bền bỉ, rạn rờ.
- B. khắp khiêng, đường đua, bản lĩnh, niềm tin.
- C. bền bỉ, rạn rờ, đường đua, bản lĩnh.
- D. rạn rờ, tỏa sáng, âu yếm, bền bỉ.

Câu 7. Các từ **nắng, **mưa**, **sấm**, **chớp** là danh từ chỉ:**

- A. người
- B. vật
- C. hiện tượng
- D. thời gian

Câu 8. Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa của từ **tự trọng?**

- A. Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình.
- B. Tin vào bản thân mình.
- C. Quyết định lấy công việc của mình.
- D. Đánh giá mình quá cao và coi thường người khác.

Câu 9. Dòng nào sau đây toàn là những từ cùng nghĩa với *trung thực*?

- A. thẳng thắn, giả dối, xứng đáng, quyết tâm.
- B. thẳng thắn, chân thật, tự trọng, tự tin.
- C. thẳng thắn, dối trá, tự cao, chân thật.
- D. thẳng thắn, thẳng tính, ngay thẳng, chân thật.

Câu 10. Bài tập đọc “Những hạt thóc giống” thuộc chủ điểm nào trong năm học?

- A. Măng mọc thẳng
- B. Thương người như thể thương thân
- C. Trên đôi cánh ước mơ
- D. Có chí thì nên

**Xem lại kiến thức cần nhớ và làm bài cẩn thận nhé!
Chúc em hoàn thành bài ôn tập đạt kết quả tốt!**